

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 08 - 4 - 2024
V/v tranh chấp chia tài sản sau
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán:

Ông Lê Nguyên Khoa

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan –
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLPT – HNGĐ ngày 27 tháng 02
năm 2024 về “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 168/2023/HNGĐ-ST ngày 17
tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 09/2024/QĐ-PT ngày 13
tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Lệ T**, sinh năm 1962; Địa chỉ: **ấp A, xã M,
huyện T, tỉnh Vĩnh Long**. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông **Phạm Văn L**, sinh năm 1965; Địa chỉ: **ấp A, xã M, huyện T,
tỉnh Vĩnh Long**. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Phạm Thị Kim Y**, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

2. Anh **Phạm Duy K**, sinh năm 1991. (Có mặt)

3. Chị **Phạm Thúy N**, sinh năm 1986. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: **ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**.

4. Chị **Phạm Thị Thúy A**, sinh năm 1988; Địa chỉ: **Ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**. (Có mặt)

5. Anh **Phạm Tuấn A1**, sinh năm 1993; Địa chỉ: **ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**. (Có mặt)

6. Anh **Cao Trọng N1**, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

7. Cháu **Cao Hoài A**, sinh ngày 06/3/2006

8. Cháu **Cao Thanh C**, sinh ngày 10/01/2008

9. Cháu **Cao Trọng N2**, sinh ngày 15/4/2018

Người giám hộ cho cháu **A**, cháu **C**, cháu **N2**: Anh **Cao Trọng N1** và chị **Phạm Thị Kim Y**; Cùng địa chỉ: **ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**. (Vắng mặt)

10. **Ngân hàng N4**.

Trụ sở chính: **Số B L, Phường T, Quận B, thành phố Hà Nội**

Người đại diện theo pháp: Ông **Tiết Văn T1** – chức vụ: Tổng giám đốc Người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án: Ông **Võ Thanh T2** – chức vụ: Giám đốc chi nhánh **Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam huyện N4**. (Quyết định ủy quyền số 2965/QDD-NHNo-PC, ngày 27/12/2019) Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án: Ông **Thạch Chí T3**- Giám đốc **P**. (Vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp H, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**

Do có kháng cáo của: Ông **Phạm Văn L** – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 23/6/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Lệ T** trình bày như sau:

Bà **T** và ông **L** cưới nhau năm 1983, sau khi cưới nhau thì vợ chồng về sống bên gia đình ông **L**, trong thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau thì cha mẹ chồng cho vợ chồng đất để canh tác chăm lo kinh tế gia đình, đến ngày 11/8/2020 bà **T** và ông **L** thuận tình ly hôn theo Quyết định số: 213/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 11/8/2020 của TAND huyện T, về tài sản chung thì không yêu cầu giải quyết. Ngày 02/4/2021 bà và ông **L** tự nguyện lập văn bản về việc thỏa thuận

về việc phân chia tài sản chung. Tuy nhiên, sau đó ông **L** không làm đúng theo thỏa thuận mà còn đánh đuổi bà **T** đi.

- Về tài sản chung của vợ, chồng gồm:

+ Thửa 68, diện tích 2.722,7m², tờ bản đồ số 29, loại đất ONT-CLN có căn nhà tường cấp 4 trên đất do ông **L**, bà **T** đứng tên, hiện nay do ông **L** quản lý, sử dụng. Căn nhà tường cấp 4 được định giá vào ngày 28/10/2021 có giá trị là 465.939.523 đồng. Nay bà **T** yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà làm tròn bằng số tiền 230.000.000 đồng. Đồng ý giao căn nhà và đất cho ông **L** sở hữu, quản lý sử dụng. Ngoài ra, trên thửa 68 có căn nhà cấp 4 của chị **Y** và anh **N1** đang ở, bà không có ý kiến và không yêu cầu chị **Y**, anh **N1** di dời, nếu có tranh chấp bà yêu cầu giải quyết sau.

+ Thửa 265, diện tích 304,8m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước, do ông **L** đứng tên, hiện nay ông **L** đang quản lý, sử dụng. Nay bà **T** yêu cầu nhận trọn thửa 265.

+ Thửa số 77, diện tích 1.519m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước do ông **L** và bà **T** đứng tên, hiện nay ông **L** đang quản lý, sử dụng. Nay bà **T** yêu cầu nhận trọn thửa 77.

+ Thửa số 90, diện tích 623,7m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng cây lâu năm do ông **L** và bà **T** đứng tên, hiện nay ông **L** đang quản lý sử dụng. Nay bà **T** yêu cầu nhận trọn thửa 90.

+ Thửa số 78, diện tích 6.349,5m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước do ông **L** và bà **T** đứng tên, hiện nay bà **T** đang quản lý sử dụng. Nay bà **T** yêu cầu nhận phần đất có diện tích 2.100,4m², bà **T** đồng ý giao lại diện tích 4.249,1m² cho ông **L**.

Các thửa đất cùng tọa lạc tại **ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**.

Ngoài ra vợ chồng không còn tài sản chung nào khác.

- Về nợ chung:

+ Nợ **Ngân hàng N4 – Chi nhánh huyện T - Phòng G1** số tiền hiện tại còn 60.000.000 đồng, tiền lãi suất tính từ ngày 25/4/2023 đến ngày 17/10/2023 là 3.502.191 đồng. Bà yêu cầu mỗi người trả $\frac{1}{2}$ là 30.000.000 đồng tiền nợ gốc, tiền lãi là 1.751.095 đồng.

+ Đối với số tiền nợ của **K, Y, N, A** thì sẽ giải quyết sau khi các con có yêu cầu, trong vụ việc này không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **Phạm Văn L** trình bày:*

Ông **Lâm** thống nhất với bà **T** vợ chồng ly hôn vào ngày 11/8/2020 nhưng chưa chia tài sản chung. Bà **T** và ông **L** cưới nhau năm 1983, sau khi cưới nhau thì vợ chồng về sống bên gia đình ông **L**, trong thời gian vợ chồng còn chung sống hạnh phúc với nhau thì cha mẹ ông **L** có cho vợ chồng đất để canh tác chăm lo kinh tế gia đình, khi ly hôn vào năm 2020 thì vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết về tài sản và có lập văn bản về việc thỏa thuận vào ngày 02/4/2021. Sau đó, do bà **T** gây khó dễ cho ông **L** nên ông **L** không chia đất cho bà **T**.

- Về tài sản:

+ Thửa số 68, diện tích 2.722,7m², tờ bản đồ số 29, loại đất ONT-CLN có căn nhà tường cấp 4 trên đất, do ông **L** và bà **T** đứng tên, hiện nay do ông **L** quản lý sử dụng. Ông **L** thống nhất giá trị căn nhà tường cấp 4 được định giá vào ngày 28/10/2021 có giá trị là 465.939.523 đồng, ông không yêu cầu định giá nhà lại. Thời điểm hòa giải trước ông đồng ý cho bà **T** diện tích 300m² giáp đường đất và giáp ranh thửa đất của ông **Chín G**. Nay ông rút lại ý kiến ông không đồng ý cho bà **T** diện tích 300m² nữa bởi vì bà **T** luôn gây khó khăn cho ông. Nay bà **T** yêu cầu nhận ½ giá trị căn nhà là 230.00.000đồng thì ông không đồng ý.

+ Thửa 265, diện tích 304,8m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước, do ông **L** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay ông **L** đang quản lý sử dụng. Nay bà **T** yêu cầu nhận thửa 265 thì ông không đồng ý.

+ Thửa 77, diện tích 1.519m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước do ông **L** và bà **T** đứng tên, hiện nay ông **L** đang quản lý sử dụng. Nay bà **T** yêu cầu nhận trọn thửa 77 thì ông không đồng ý.

+ Thửa 78, diện tích 6.349,5m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước do ông **L** và bà **T** đứng tên, hiện nay ông **L** đồng ý chia cho bà **T** phần đất 2.000m² tại thửa 78.

+ Thửa 90, diện tích 623,7m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng cây lâu năm do ông **L** và bà **T** đứng tên, hiện nay ông **L** đang quản lý sử dụng. Nay bà **T** yêu cầu nhận trọn thửa 90 thì ông không đồng ý.

Tất cả các thửa đất trên cùng tọa lạc tại **ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**. Các thửa đất trên là của ông **L** nên không đồng ý chia theo yêu cầu của bà **T**.

- Về nợ chung:

+ Nợ **Ngân hàng N4 – Chi nhánh huyện T - Phòng G1** trước đây nợ số tiền 100.000.000 đồng. Thỏa thuận mỗi người trả $\frac{1}{2}$ là 50.000.000 đồng. Nợ này ông **L** trả được 50.000.000 đồng, phần 50.000.000 đồng do bà **T** trả. Hiện nay Ngân hàng báo số tiền gốc còn nợ là 60.000.000 đồng, tiền lãi suất tính từ ngày 25/4/2023 đến ngày 17/10/2023 là 3.502.191 đồng thì ông yêu cầu bà **T** phải có trách nhiệm tự trả nợ, số nợ 50% của ông **L** thì ông **L** đã trả xong.

+ Đối với số tiền nợ của **K, Y, N, A** thì sẽ giải quyết sau khi các con có yêu cầu, trong vụ việc này không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* **Ngân hàng N4** có ông **Thạch Chí T3** đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào 28/4/2022 **Ngân hàng N4 – chi nhánh huyện T - Phòng G1** có cho ông **L** vay lại số tiền 65.000.000 đồng, khi vay có thể chấp tại Ngân hàng hai quyền sử dụng đất là thửa đất số 77, diện tích 1.519m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước và thửa đất số 78, phần đất diện tích 6.349,5m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước, do ông **Phạm Văn L** và bà **Nguyễn Thị Lệ T** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cùng tọa lạc tại **ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**. Hiện nay, ông **L** và bà **T** còn nợ lại Ngân hàng số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi suất tính từ ngày 25/4/2023 đến ngày 17/10/2023 là 3.502.191 đồng.

Nay yêu cầu ông **L** và bà **T** cùng có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 25/4/2023 đến ngày 17/10/2023 là 3.502.191 đồng, đồng thời tiếp tục tính lãi cho đến khi tất toán xong nợ cho Ngân hàng. Sau khi ông **L** và bà **T** tất toán xong nợ thì Ngân hàng sẽ trả lại quyền sử dụng đất tại thửa đất số 77 thửa đất số 78 cho ông **L** và bà **T** giải quyết việc chia tài sản với nhau. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* **Phạm Thị Kim Y** trình bày: Chị **Y** là con của ông **L** và bà **T**, ngày 21/02/2023 chị **Y** có yêu cầu độc lập được chia một nền nhà. Tuy nhiên, vào ngày 17/3/2023 chị có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập trên để tự mình thỏa thuận với ông **L** và bà **T**, không yêu cầu Tòa án giải quyết

trong vụ việc này. Đồng thời, có yêu cầu được vắng mặt tại các phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* **Phạm Thị Thúy N3** trình bày: Chị **N3** là con của ông **L** và bà **T**, ngày 21/02/2023 chị có yêu cầu độc lập được chia một nền nhà. Tuy nhiên, vào ngày 17/3/2023 chị có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập trên để tự mình thỏa thuận với ông **L** và bà **T**, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc này. Đồng thời, có yêu cầu được vắng mặt tại các phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* **Phạm Thị Thúy A**: Chị **A** là con của ông **L** và bà **T**, ngày 21/02/2023 chị **A** có yêu cầu độc lập, yêu cầu ông **L** và bà **T** trả lại số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, vào ngày 17/3/2023 chị có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập trên để tự mình thỏa thuận với ông **L** và bà **T**, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc này. Đồng thời, có yêu cầu được vắng mặt tại các phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* **Phạm Duy K**: Anh **K** là con của ông **L** và bà **T**, ngày 21/02/2023 anh **K** có yêu cầu độc lập, yêu cầu ông **L** và bà **T** trả lại số tiền 295.000.000 đồng và yêu cầu được nhận 2000m² đất ruộng để canh tác. Tuy nhiên, vào ngày 17/3/2023 anh **K** có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập trên để tự mình thỏa thuận với ông **L** và bà **T**, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc này. Đồng thời, có yêu cầu được vắng mặt tại các phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* **Cao Trọng N1** trình bày: Anh là con rể của ông **L** và bà **T**, anh không có ý kiến và yêu cầu độc lập trong vụ án. Đồng thời, có yêu cầu được vắng mặt tại các phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* **Phạm Tuấn A1**: Anh là con của ông **L** và bà **T**, anh không có ý kiến và yêu cầu độc lập trong vụ án. Đồng thời, có yêu cầu được vắng mặt tại các phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* **Cao Thanh C** và **Cao Hoài A** có người giám hộ là anh **Cao Trọng N1** và chị **Phạm Thị Kim Y**: Cháu **C** và cháu **A** là con của ông **N1** và bà **Y** Hiện nay còn nhỏ và không có ý kiến trong vụ án này do cha mẹ (ông **N1** và bà **Y**) quyết định.

**Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 168/2023/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:*

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 27, Điều 33, Điều 37, Điều 59, Điều 60, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 324, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 500, Điều 503 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 167 Luật Đất đai năm 2014; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 6 Điều 26, Điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Lệ T**.

Buộc ông **Phạm Văn L** phải giao cho bà **Nguyễn Thị Lệ T** $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà tường cấp 4 được làm tròn bằng số tiền tương ứng là 230.000.000 đồng (theo kết quả định giá tài sản ngày 28/10/2021, căn nhà có tổng giá trị bằng 465.939.523 đồng. Giao cho ông **L** được hưởng trọn phần đất diện tích 2.722,7m², thuộc thửa số 68, tờ bản đồ số 29, loại đất ONT-CLN, gồm các mốc số 1, 2, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 1. Đồng thời ông **L** được trọn hưởng căn nhà tường cấp 4 gắn trên thửa đất 68 (theo kết quả định giá tài sản ngày 28/10/2021, căn nhà có tổng giá trị bằng 465.939.523 đồng) do ông **Phạm Văn L** và bà **Nguyễn Thị Lệ T** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay do ông **L** quản lý sử dụng. (Có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo).

Buộc ông **Phạm Văn L** phải giao cho bà **Nguyễn Thị Lệ T** được hưởng phần đất diện tích 304,8m², thửa 265, tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước, do ông **Phạm Văn L** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại **ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**, gồm các mốc số 4, 5, 6, 4. Ông **L** phải có nghĩa vụ thực hiện việc sang tên tách bộ thửa đất trên cho bà **T** theo quy định pháp luật. (Có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo)

Buộc ông **Phạm Văn L** phải giao cho bà **Nguyễn Thị Lệ T** được hưởng phần đất diện tích 1.519m², thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước, gồm các mốc số 13, 14, 35, 34, 33, 13 và phần đất diện tích 623,7m² thuộc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 29, loại đất trồng cây lâu năm, gồm các mốc số 26, 27,

28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 26 do ông **Phạm Văn L** và bà **Nguyễn Thị Lệ T** cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông **L** phải có nghĩa vụ thực hiện việc sang tên tách bộ thửa đất trên cho bà **T** theo quy định pháp luật. (Có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo)

Buộc ông **Phạm Văn L** phải giao cho bà **Nguyễn Thị Lệ T** được hưởng phần phần đất có diện tích 2.100,4m² thuộc chiết thửa 78-1 (thửa 78), tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước, gồm các mốc số 14, 14A, 23A, 25, 26, 36, 35, 14. Giao cho ông **L** được hưởng phần đất còn lại có diện tích 4.249,1m², thuộc chiết thửa 78-2 (thửa 78), tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước, gồm các mốc số 14A, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 23A, 14A do ông **Phạm Văn L** và bà **Nguyễn Thị Lệ T** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông **L** phải có nghĩa vụ thực hiện việc sang tên tách bộ quyền sử dụng đất cho bà **T** theo quy định pháp luật. (Có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo).

Các bên có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan cơ thẩm quyền thực hiện việc đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của **Ngân hàng N4**.

Buộc ông **L** phải trả cho **Ngân hàng N4** số tiền 20.000.000 đồng, và ½ tiền lãi suất từ ngày 25/4/2023 tính đến ngày 17/10/2023 là 1.751.191 đồng. Ngoài ra, ông **L** có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi suất trên số tiền phải trả cho Ngân hàng cho đến khi tất toán xong số tiền mình có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng.

Buộc bà **T** phải trả cho **Ngân hàng N4** số tiền 40.000.000 đồng và ½ tiền lãi suất từ ngày 25/4/2023 đến ngày 29/6/2023 là 1.751.000 đồng. Ngoài ra, bà **T** có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi suất trên số tiền phải trả cho Ngân hàng cho đến khi tất toán xong số tiền mình có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng về việc thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; về nghĩa vụ chậm thi hành án; về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 27/10/2023 bị đơn **Phạm Văn L** kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Không đồng ý chia số tiền 230.000.000 đồng và quyền sử dụng đất như án sơ thẩm đã tuyên cho bà **T**; yêu cầu bà **T** phải trả số tiền vay 50.000.000 đồng còn lãi và lãi suất theo quy định cho **Ngân hàng N4** – **Chi nhánh huyện T**.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông **L** thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, không đồng ý chia cho bà **T** ½ giá trị căn nhà với số tiền 230.000.000 đồng và không đồng ý chia các thửa đất như

án sơ thẩm đã tuyên, ông **L** chỉ đồng ý chia cho bà **T** phần đất 2.000m² tại thửa 78. Ngoài ra không đồng ý chia thêm cho bà **T** vì những thửa đất là tài sản riêng của ông **L**. Đối với phần nợ Ngân hàng vốn 60.000.000đồng. Nay ông **L** đồng ý trả 20.000.000 đồng và ½ tiền lãi cho Ngân hàng như án sơ thẩm đã tuyên do đó ông **L** rút lại yêu cầu kháng cáo về việc không đồng ý trả trả nợ 20.000.000 đồng và tiền lãi cho Ngân hàng.

Nguyên đơn **Nguyễn Thị Lệ T** đồng ý giao thửa 265, diện tích 304,8m², loại đất trồng lúa nước cho ông **L**; đối với phần rút kháng cáo của ông **L** về nợ của Ngân hàng, ông **L** đồng ý trả vốn cho Ngân hàng 20.000.000đồng và tiền lãi, nay bà không có ý kiến; bà đồng ý trả vốn cho Ngân hàng 40.000.000 đồng và lãi suất như án sơ thẩm đã tuyên. Đối với các thửa đất khác bà đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông **L**, giữ nguyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh **K**, chị **N3**, chị **A**, anh **Tuấn A1** không có ý kiến.

Vị Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo của bị đơn **Phạm Văn L**; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị áp dụng Điều 289, khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015;

- + Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo mà ông **L** đã rút.
- + Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông **Phạm Văn L**.
- + Sửa án sơ thẩm.

Chia cho ông **L** được hưởng thửa 68 diện tích 2.722,7m² loại đất thổ vườn, thửa 265 diện tích 304,8m² loại đất lúa và tách 78-2 diện tích 4.249,1m² loại đất lúa. Chia cho bà **T** được hưởng thửa 77 diện tích 1.519m² loại đất lúa, thửa 90 diện tích 623,7m² loại đất trồng cây lâu năm; tách thửa 78-1 diện tích 2.100,4m² loại đất lúa.

Công nhận cho ông **L** được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 gắn trên thửa 68, buộc ông **Lâm h** giá trị cho bà **T** bằng số tiền 230.000.000đ.

Đối với căn nhà của vợ chồng chị **Phạm Thị Kim Y** thửa 68 và cây trồng trên đất, các đương sự thống nhất không tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Các đương sự liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký theo quy định pháp luật.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông **L** và bà **T** phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được chia. Tuy nhiên bà **T** là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà **T**.

- Ông **L** không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 27/10/2023 ông **Phạm Văn L** kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của ông **L** được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong giai đoạn phúc thẩm ông **L**, bà **T**, chị **Y**, anh **N1** xác định trên thửa 68 có căn nhà cấp 4 của chị **Y**, anh **N1** xây dựng nhưng các bên không có yêu cầu xem xét trong vụ án này. Phần cây trồng trên đất cũng không đặt ra yêu cầu xem xét.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bà **T** đồng ý giao thửa 265 diện tích 304,8m² loại đất trồng lúa nước cho ông **L** quản lý, sử dụng; Ông **L** rút lại yêu cầu kháng cáo về phần trả nợ 20.000.000 đồng cho Ngân hàng do đó Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo này.

[4] Xét kháng cáo của ông **L** không đồng ý chia cho bà **T** số tiền 230.000.000 đồng là ½ giá trị căn nhà cấp 4 trên thửa 68; không đồng ý chia cho bà **T** thửa 77, diện tích 1.519m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước; thửa 90, diện tích 623,7m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng cây lâu năm và chiết thửa 78-1, diện tích 2.100,4m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông **L** và bà **T** đều thừa nhận, trong thời gian vợ chồng chung sống thì cha mẹ ông **L** có cho ông **L** bà **T** các thửa đất 68, 77, 78, 90 để canh tác chăm lo kinh tế gia đình, lo cho cha mẹ già và các con. Sau khi cha mẹ ông **L** chết thì mới làm thủ tục đăng ký kê khai sang tên tách bộ qua cho ông **L**, bà **T** cùng đứng tên. Ngày 11/8/2020, ông **L** bà **T** ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của

các đương sự số: 213/2020/QĐST-HNGĐ, tại Quyết định này ông **L** bà **T** không yêu cầu giải quyết về tài sản chung mà để vợ chồng tự thỏa thuận. Đến ngày 02/4/2021 ông **L**, bà **T** tự nguyện lập Tờ thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung và phân chia nợ chung của vợ, chồng, ông **L** thừa nhận có ký tên vào tờ thỏa thuận này. Tuy nhiên, sau khi lập tờ thỏa thuận ông **L** bà **T** xảy ra tranh chấp nên không thực hiện theo tờ thỏa thuận. Nay ông **L** cho rằng các thửa 68, 77, 78, 90 ông thừa kế riêng từ cha mẹ nên đây là tài sản riêng của ông nên ông không đồng ý chia cho bà **T**, tuy nhiên, ngoài lời trình bày của mình thì ông **L** không chứng minh được ông nhận thừa kế riêng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các thửa 68, 77, 78, 90 là tài sản chung của vợ chồng và chia phần tài sản chung tương xứng với công sức đóng góp và nguồn gốc hình thành khối tài sản, cụ thể: chia cho bà **T** số tiền 230.000.000 đồng là $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4 trên thửa 68; thửa 77, diện tích 1.519m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước; thửa 90, diện tích 623,7m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng cây lâu năm và chiết thửa 78-1, diện tích 2.100,4m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước và tại phiên tòa phúc thẩm bà **T** đồng ý giao lại thửa 265 diện tích 304,8m² loại đất trồng lúa nước cho ông **L** thì so với số tài sản bà **T** nhận thấp hơn số tài sản chia cho ông **L** là phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông **L**; sửa án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Nguyễn Thị Lệ T** được miễn án phí do người cao tuổi. Hoàn trả bà **T** số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số N^o 0011163, ngày 29/6/2021 số tiền 24.415.000đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng) và biên lai thu số N^o 0010275, ngày 29/10/2021 số tiền 1.402.080đồng (Một triệu bốn trăm lẻ hai ngàn không trăm tám mươi đồng) tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T.

Ông **L** phải nộp 35.425.000đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí.

Hoàn trả **Ngân hàng N4 – Chi nhánh huyện T - Phòng G1** số tiền tạm ứng án phí 1.533.416đồng (Một triệu năm trăm ba mươi ba ngàn bốn trăm mười sáu đồng) theo biên lai thu số N^o 0011609, ngày 06/7/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T.

5.2 Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông **L** không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả ông **Phạm Văn L** số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng)

tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0013643 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chấp nhận yêu cầu độc lập của **Ngân hàng N4**; về lãi suất chậm thi hành án; về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn **Phạm Văn L**; sửa bản án sơ thẩm số: 168/2023/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 33, 59, 60, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Nguyễn Thị Lệ T**.

1.1 Giao cho ông **Phạm Văn L** được quản lý, sử dụng thửa 68, diện tích 2.722,7m², tờ bản đồ số 29, loại đất ONT-CLN (gồm các mốc số 1, 2, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 1) tọa lạc tại **ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** và căn nhà tường cấp 4 gắn trên thửa đất 68.

1.2 Giao cho ông **Phạm Văn L** quản lý, sử dụng thửa 265, diện tích 304,8m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước, gồm các mốc số 4, 5, 6, 4, đất tọa lạc tại **ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** và các tài sản trên thửa 265.

1.3 Giao cho ông **Phạm Văn L** được quản lý, sử dụng chiết thửa 78-2, diện tích 4.249,1m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước, gồm các mốc số 14A, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 23A, 14A; đất tọa lạc tại **ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**.

1.4 Buộc ông **Phạm Văn L** phải giao cho bà **Nguyễn Thị Lệ T** quản lý, sử dụng thửa 77, diện tích 1.519m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước, gồm các mốc số 13, 14, 35, 34, 33, 13, tọa lạc tại **ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**.

1.5 Buộc ông **Phạm Văn L** phải giao cho bà **Nguyễn Thị Lệ T** quản lý, sử dụng thửa 90, diện tích 623,7m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng cây lâu năm, gồm

các mốc số 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 26; đất tọa lạc tại **ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**.

1.6 Buộc ông **Phạm Văn L** phải giao cho bà **Nguyễn Thị Lệ T** quản lý, sử dụng chiết thửa 78-1, diện tích 2.100,4m², tờ bản đồ số 29, loại đất trồng lúa nước, gồm các mốc số 14, 14A, 23A, 25, 26, 36, 35, 14; đất tọa lạc tại **ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**.

(Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/12/2021).

Các bên có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan cơ thẩm quyền thực hiện việc đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.7 Buộc ông **Phạm Văn L** phải chia cho bà **Nguyễn Thị Lệ T** ½ giá trị căn nhà cấp 4 trên thửa 68 là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông **L** về việc không đồng ý trả cho **Ngân hàng N4** số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và ½ tiền lãi suất từ ngày 25/4/2023 tính đến ngày 17/10/2023 là 1.751.191 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi một ngàn một trăm chín mươi một đồng).

3. Về án phí:

3.1 Án phí sơ thẩm:

Bà **Nguyễn Thị Lệ T** được miễn án phí do người cao tuổi. Hoàn trả bà **T** số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số N^o 0011163, ngày 29/6/2021 số tiền 24.415.000đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng) và biên lai thu số N^o 0010275, ngày 29/10/2021 số tiền 1.402.080đồng (Một triệu bốn trăm lẻ hai ngàn không trăm tám mươi đồng) tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T.

Ông **Phạm Văn L** phải nộp 35.425.000đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí.

Hoàn trả **Ngân hàng N4** – **Chi nhánh huyện T** - **Phòng G1** số tiền tạm ứng án phí 1.533.416đồng (Một triệu năm trăm ba mươi ba ngàn bốn trăm mười sáu đồng) theo biên lai thu số N^o 0011609, ngày 06/7/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T.

3.2 Án phí phúc thẩm: Hoàn trả ông **Phạm Văn L** số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0013643 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chấp nhận yêu cầu độc lập của **Ngân hàng N4**; về lãi suất chậm thi hành án; về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND H.T: 01;
- Chi cục H.T: 01;
- Đ/s: 11;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tư